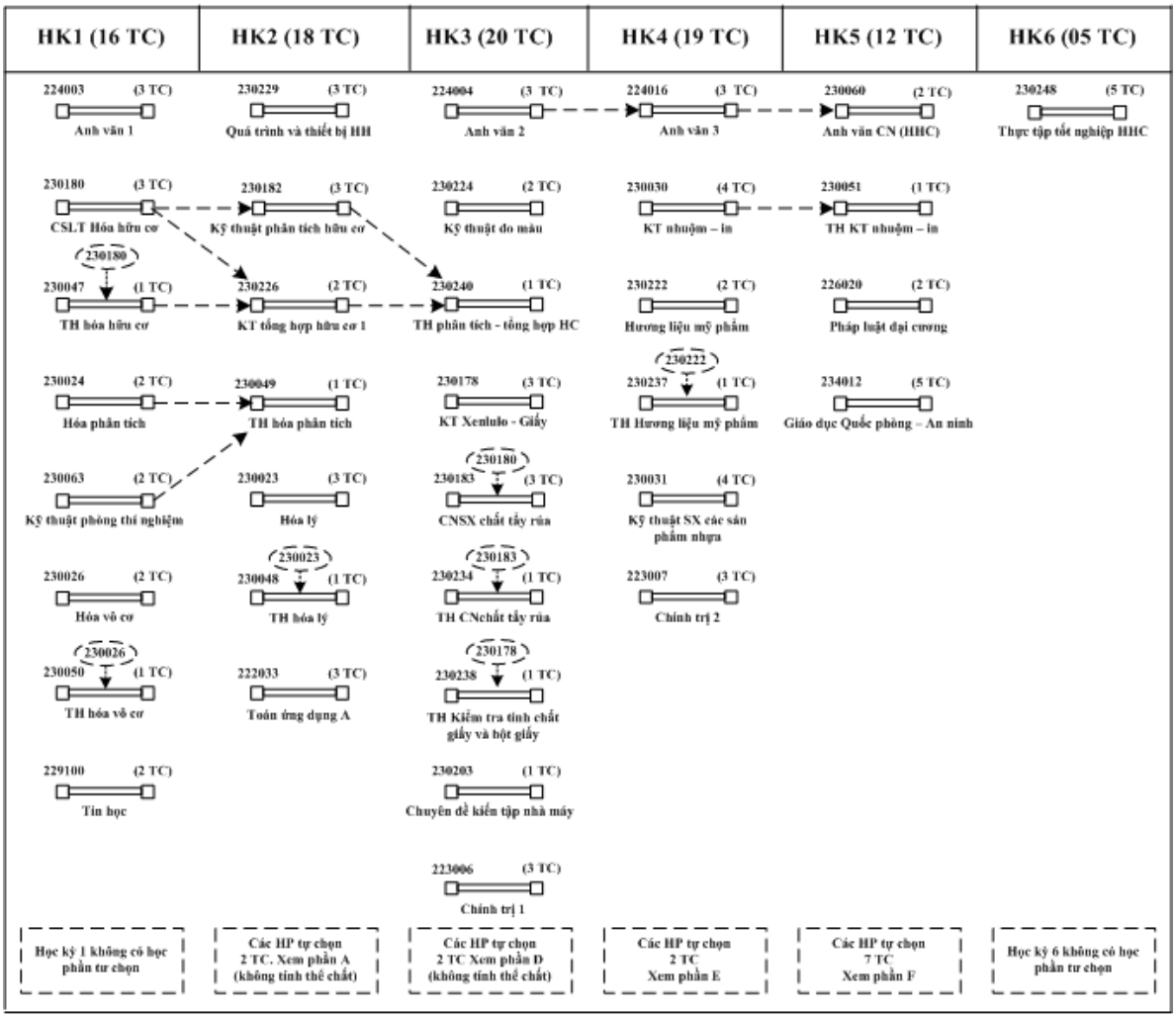
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO HÓA HỮU CƠ

(Áp dụng từ khóa 2017)

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
Học kỳ 1: 16 Tín chỉ				
Học phần bắt buộc			**16**	
1	230063	Kỹ thuật phòng thí nghiệm	2	
2	230026	Hóa vô cơ	2	
3	230050	Thực hành hóa vô cơ	1	
4	230024	Hóa phân tích	2	
5	230180	CSLT hóa hữu cơ	3	
6	229100	Tin học	2	
7	224003	Anh văn 1	3	
8	230047	Thực hành hóa hữu cơ	1	
Học kỳ 2: 18 Tín chỉ (không tính học phần GDTC)				
Học phần bắt buộc			**16**	
9	222033	Toán ứng dụng A	3	
10	230049	Thực hành hóa phân tích	1	
11	230023	Hóa lý	3	
12	230229	Quá trình và thiết bị hóa học	3	
13	230182	Kỹ thuật phân tích hữu cơ	3	
14	230226	Kỹ thuật tổng hợp hữu cơ 1	2	
15	230048	Thực hành hóa lý	1	
Học phần Giáo dục thể chất tự chọn			**2**	
16.1	234002	Bóng chuyền 1	2	
16.2	234006	Bóng đá 1	2	
16.3	234007	Bóng rổ 1	2	
16.4	234008	Cầu lông 1	2	
16.5	234009	Aerobic 1	2	
Học phần tự chọn			**2**	
17.1	222013	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
17.2	222012	Phương pháp luận sáng tạo	2	
Học kỳ 3: 20 Tín chỉ (không tính học phần GDTC)				
Học phần bắt buộc			**18**	
18	230224	Kỹ thuật đo màu	2	
19	224004	Anh văn 2	3	
20	223006	Chính trị 1	3	
21	230183	Công nghệ sản xuất chất tẩy rửa	3	
22	230178	Kỹ thuật xelulo – giấy	3	
23	230240	TH phân tích - tổng hợp hữu cơ	1	

24	230234	TH Công nghệ chất tẩy rửa	1	
25	230203	Chuyên đề 1- kiến tập tại nhà máy	1	
26	230238	TH Kiểm tra tính chất giấy và bột giấy	1	
Học phần Giáo dục thể chất tự chọn			**2**	
27.1	234003	Bóng chuyền 2	2	
27.2	234010	Bóng đá 2	2	
27.3	234011	Bóng rổ 2	2	
27.4	234013	Cầu lông 2	2	
27.5	234014	Aerobic 2	2	
Học phần tự chọn			**2**	
28.1	222010	Logic học đại cương	2	
28.2	226017	Môi trường và con người	2	
Học kỳ 4: 19 Tín chỉ				
Học phần bắt buộc			**17**	
29	230030	Kỹ thuật nhuộm – in	4	
30	230222	Hương liệu mỹ phẩm	2	
31	230237	TH hương liệu - mỹ phẩm	1	
32	223007	Chính trị 2	3	
33	230031	Kỹ thuật sản xuất các sản phẩm nhựa	4	
34	224016	Anh văn 3	3	
Học phần tự chọn			**2**	
35.1	230083	Xử lý nước trong sản xuất công nghiệp	2	
35.2	230032	Kỹ thuật sản xuất phân bón	2	
35.3	230104	Hợp chất thiên nhiên	2	
Học kỳ 5: 12 Tín chỉ (không tính học phần GDQP)				
Học phần bắt buộc			**5**	
36	226020	Pháp luật đại cương	2	
37	230051	Thực hành kỹ thuật nhuộm – in	1	
38	230060	Anh văn chuyên ngành	2	
39	234012	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	5	
Học phần tự chọn			**2**	
40.1	230004	Công nghệ lên men	2	
40.2	230184	Các phương pháp phổ nghiệm	2	
40.3	230227	Kỹ thuật tổng hợp hữu cơ 2	2	
Học phần tự chọn			**5**	
41.1	230069	Khóa luận tốt nghiệp	5	
41.2	230204	Chuyên đề 2	2	
41.3	230205	Chuyên đề 3	3	
Học kỳ 6: 5 Tín chỉ				
Học phần bắt buộc			**5**	
42	230248	Thực tập tốt nghiệp	5	

CÂY CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT HÓA HỌC (90 TC)
CHUYÊN NGÀNH: CÔNG NGHỆ HÓA HỮU CƠ
(Dùng cho khối Cao Đẳng 2017)



CÁC MÔN HỌC TỰ CHỌN

